

and refractive outcomes of cataract surgery with toric intraocular lens implantation at a resident-teaching institution". *J Cataract Refract Surg*, 37(9):1623-8.

4. E Holland, S Lane, JD Horn, P Ernest, R Arleo, KM Miller (2010) "The AcrySof Toric intraocular lens in subjects with cataracts and corneal astigmatism: a randomized, subject-masked, parallel-group, 1-year study". *Ophthalmology* 117(11):2104-11.

5. JB Phillip, SW James (2010) "Surgical correction of astigmatism during cataract surgery". *Clinical and Experimental Optometry*.

6. JL Alió, MC Agdeppa, VC Pongo, B El-Kady (2010) "Microincision cataract surgery with toric intraocular lens implantation for correcting moderate and high astigmatism: pilot study". *J Cataract Refract Surg*, 36(1):44-52.

7. J Li, YE Zhao, JH Li, F Huang, HH Huang, JW Zheng (2010) "Short-term observation of

AcrySof Toric intraocular lens for correction of preoperative astigmatism in patients having cataract surgery". *Zhonghua Yan Ke Za Zhi*, 46(6):513-7.

8. K Ahmed, G Rocha, AR Slomovic, H Climenhaga, J Gohill, A Gregoire, J Ma (2010) "Visual function and patient experience after bilateral implantation of toric intraocular lenses". *J Cataract Refract Surg*, 36, (4), 609-16.

9. K Myung-Hun, C Tae-Young, C Eui-Sang (2010) "Long-Term Efficacy and Rotational Stability of AcrySof Toric Intraocular Lens Implantation in Cataract Surgery". *Korean J Ophthalmol*, 24(4): 207–212.

10. T Ferrer-Blasco, R Montés-Micó, SC Peixoto-de-Matos, JM González-Méijome, A Cerviño (2009) "Prevalence of corneal astigmatism before cataract surgery". *J Cataract Refract Surg*, 35(1):70-5.

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN LẠM DỤNG TÌNH DỤC Ở HỌC SINH PHỔ THÔNG TRUNG HỌC TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG

VÕ VĂN THẮNG

Khoa Y tế Công cộng, Trường Đại học Y Dược Huế

PHẠM XUÂN THỐNG

Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả các yếu tố liên quan đến học sinh bị lạm dụng tình dục.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, tiến hành phỏng vấn 688 học sinh phổ thông trung học đang học lớp 10 và lớp 11 hiện đang sinh sống tại Thành phố Nha Trang trong 2 tháng 10 và 11 năm 2010.

Kết quả: Tỷ lệ 36,19% học sinh phổ thông trung học bị lạm dụng tình dục. Trong đó, tỷ lệ học sinh bị lạm dụng tình dục: nam 19,33%, nữ 16,86%; trên 16 tuổi 24,71%, dưới 16 tuổi 11,48%; học sinh có cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy: 1,74%, không nghiện 34,45%; học sinh có cha mẹ cãi nhau: 31,98%, không cãi nhau: 4,21%; học sinh có học lực khá giỏi 15,55%, trung bình yếu 20,64%, làm việc nhà ảnh hưởng đến việc học 4,94%, không ảnh hưởng đến việc học 31,25%; trẻ đi làm kiếm tiền trong vòng 12 tháng qua: 5,84%, không đi làm kiếm tiền trong 12 tháng qua: 30,38%; trẻ đi làm trong 12 tháng qua ảnh hưởng đến việc học: 11,11%, đi làm không ảnh hưởng đến việc học 25,93%.

Kết luận: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) giữa các yếu tố giới tính, tuổi, trẻ chung kién cha mẹ cãi nhau, thời gian làm việc nhà ảnh hưởng đến việc học với yếu tố bị lạm dụng tình dục. Không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) giữa lạm dụng tình dục với các yếu tố: cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy, học lực học sinh, học sinh đi làm thêm kiếm tiền.

Từ khóa: Lạm dụng tình dục, xâm hại tình dục.

STUDY ON FACTORS AFFECTING SEXUAL ABUSE AMONG HIGH SCHOOL PUPILS IN NHA TRANG CITY

SUMMARY

Objective: Describe the factors related to pupil sexual abuse.

Methods: Cross-sectional study design, conducted interviews with 688 high school pupils in grade 10 and grade 11 are currently living in Nha Trang City in October 2 and 11 in 2010.

Results: Percentage of pupils who were sexually abused: male 19.33%, female 16.86%; 24.71% over 16 years old, under 16 years old 11.48%; pupils whose parents abuse alcohol or drugs: 1.74%, not addicted to 34.45%; pupils whose parents argue: 31.98%, not an argument: 4.21%; learning capacity of pupils with good and excellent 15.55%, average, weak 20.64% 20.64%; housework influence to the education 4.94%, does not affect learning 31.25%; children to make money in the last 12 months: 5.84, not to earn money in 12 months: 30.38%; children to work in the past 12 months affect the learning: 11.11%, work does not affect learning 25.93%.

Conclusions: Correlation is statistically significant ($p<0.05$) between the factors gender, age, children witnessed their parents fighting; working time affects the learning with sexual abused factor. No correlation is found statistically significant ($p>0.05$) between the factors: parental alcohol or drug use, academic pupils, pupils work make money with sexual abuse factor.

Keywords: Sexual abuse, sexual assault.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lạm dụng tình dục có thể xảy ra ở bất kì nền văn hóa, chủng tộc, tôn giáo, thể chế chính trị nào. Lạm dụng tình dục không chỉ gây tổn thương cơ thể và những hậu quả nhất thời mà còn có thể ảnh hưởng rất lâu dài về sau này. Xúc phạm tới thuần phong mỹ tục, đạo đức, lối sống trong cộng đồng xã hội, nạn nhân cả trẻ trai và gái.

Hành vi lạm dụng tình dục có thể thay đổi từ việc sờ mó bộ phận sinh dục của trẻ, thủ dâm, tiếp xúc miệng-bộ phận sinh dục, giao hợp bằng ngón tay và cao hơn là giao hợp qua đường sinh dục hoặc hậu môn. Lạm dụng tình dục ở trẻ em không chỉ giới hạn vào các tiếp xúc cơ thể mà còn bao gồm cả những hành vi không tiếp xúc như khoe bộ phận sinh dục cho trẻ thấy, rình xem trộm hoặc sử dụng hình ảnh khiêu dâm trẻ em.

Một nghiên cứu cho thấy rằng 20% phụ nữ và 10% nam giới đã bị lạm dụng tình dục ở những mức độ khác nhau khi trước tuổi trưởng thành [7]. Ở Việt Nam, gần đây báo chí và công luận đã bắt đầu lên tiếng cảnh báo mạnh mẽ vấn đề này và các nghiên cứu cụ thể và quy mô trên vấn đề này vẫn còn hạn chế [8].

Đề tài được thực hiện với mục tiêu mô tả các yếu tố liên quan đến học sinh bị lạm dụng tình dục.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

688 học sinh phổ thông trung học đang học lớp 10 và lớp 11 hiện đang sinh sống tại Thành phố Nha Trang.

Thời gian nghiên cứu: Số liệu nghiên cứu được thu thập trong 2 tháng 11 và 12 năm 2010.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu mô tả và nghiên cứu cắt ngang.

Nội dung thu thập thông tin:

- Phát phiếu phỏng vấn cho học sinh trong bộ câu hỏi về một số vấn đề liên quan đến nguyên nhân và hậu quả của hành động bị lạm dụng tình dục.

- Phương pháp:

+ Cán bộ nam phát phiếu phỏng vấn các em học sinh nam.

+ Cán bộ nữ phát phiếu phỏng vấn các em học sinh nữ.

Phương pháp giảm sai số bằng cách phát phiếu và thu hồi phiếu có kiểm soát của cán bộ điều tra, tách nam và nữ riêng biệt và tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức nghiên cứu.

Sử dụng test thống kê χ^2 để phân tích mối liên quan giữa các biến số nghiên cứu với độ tin cậy 95%.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và giới tính

Bảng 1. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và giới tính

Giới	n	Bị lạm dụng		
		Có	Không	Tỷ lệ %
Nam	313	133	180	19,33
Nữ	375	116	259	16,86
Tổng	688	249	439	36,19
		$p<0,05$		

3.2. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và độ tuổi

Bảng 2. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và độ tuổi

Nhóm tuổi	n	Bị lạm dụng tình dục		% p<0,05
		Có	Không	
≥ 16	410	170	240	24,71
< 16	278	79	199	11,48
Tổng	688	249	439	36,19

3.3. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và yếu tố cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy

Bảng 3. Mối liên quan giữa yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục và yếu tố cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy

Cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy	n	Bị lạm dụng	Không bị lạm dụng	% p>0,05
Có	32	12	20	1,74
Không	656	237	419	34,45
Tổng	688	249	439	36,19

3.4. Mối liên quan giữa yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục và yếu tố trẻ chứng kiến cha mẹ cãi nhau

Bảng 4. Mối liên quan giữa yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục và yếu tố trẻ chứng kiến cha mẹ cãi nhau

Cha mẹ cãi nhau	N	Bị lạm dụng	Không bị lạm dụng	% p<0,05
Có	576	220	356	31,98
Không	112	29	83	4,21
Tổng	688	249	439	36,19

3.5. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và học lực

Bảng 5. Mối liên quan giữa yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục và học lực của trẻ

Học lực	n	Bị lạm dụng	Không bị lạm dụng	% p>0,05
Khá+giỏi	329	107	222	15,55
TB+kém	359	142	217	20,64
Tổng	688	249	439	36,19

3.6. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và yếu tố làm việc nhà ảnh hưởng đến việc học

Bảng 6. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và yếu tố làm việc nhà ảnh hưởng đến việc học

Làm việc nhà ảnh hưởng việc học	n	Bị lạm dụng	Không bị lạm dụng	Tỷ lệ %
Có	65	34	31	4,94
Không	623	215	408	31,25
Tổng	688	249	439	36,19

p<0,05

3.7. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và yếu tố đi làm kiếm tiền trong vòng 12 tháng qua

Bảng 7. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và yếu tố đi làm kiếm tiền trong vòng 12 tháng qua

Trẻ đi làm kiếm tiền trong vòng 12 tháng qua	N	Bị lạm dụng	Không bị lạm dụng	Tỷ lệ % p>0,05
Có	108	40	68	5,81
Không	580	209	371	30,38
Tổng	688	249	439	36,19

3.8. Mối liên quan giữa yếu tố bị lạm dụng tình dục và yếu tố đi làm trong 12 tháng qua ảnh hưởng đến việc học

Bảng 8. Mối liên quan giữa tỷ lệ học sinh bị lạm dụng tình dục và kết quả học tập bị ảnh hưởng do đi làm trong 12 tháng qua

Trẻ đi làm trong 12 tháng qua bị ảnh hưởng đến kết quả học	n	Bị lạm dụng	Không bị lạm dụng	Tỷ lệ % p<0,05
Có	35	12	23	11,11
Không	73	28	45	25,93
Tổng	108	40	68	37,04

IV. BÀN LUẬN

Qua nghiên cứu tại bảng 1 cho thấy rằng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục và giới tính của trẻ; trong đó nam giới tại các trường chiếm tỷ lệ bị lạm dụng

tình dục cao hơn nữ giới; cụ thể cho thấy rằng tỷ lệ học sinh nam bị lạm dụng tình dục là 19,33%, nữ bị lạm dụng tình dục tỷ lệ là 16,86%. Việc bị lạm dụng tình dục bao gồm nghe lời lè thô tục, bắt nhìn phần kín, bắt xem phim - báo tình dục khiêu dâm, bị sờ phần kín, bắt sờ phần kín của người khác, bắt quan hệ tình dục (không thành và đã quan hệ tình dục). Như vậy số học sinh bị lạm dụng tình dục có tỷ lệ chung là 36,19%, tỷ lệ này phù hợp với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Hương [3] 39,5% tại Đồng Đa - Hà Nội và huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương. Theo các nghiên cứu tài liệu nước ngoài những dữ liệu đã có cho thấy trước 1990, lạm dụng tình dục trẻ em chỉ chiếm 6% tất cả các trường hợp lạm dụng tình dục. Năm 1996, con số này đã tăng lên 30%. 6 tháng đầu năm 1999, số trường hợp lạm dụng tình dục tăng 25% so với cùng thời điểm 1998 [3], điều này chứng tỏ tình hình lạm dụng tình dục có chiều hướng gia tăng không chỉ ở Việt Nam nói chung, Khánh Hòa nói riêng mà trên thế giới việc lạm dụng tình dục có chiều hướng gia tăng.

Theo số liệu của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Long An từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2008 trên địa bàn tỉnh xảy ra 277 trường hợp hiếp dâm trẻ em. Năm 2004: 66 ca, năm 2005: 50 ca, năm 2006: 58 ca, năm 2007: 59 ca, năm 2008: 41 ca. Số liệu này ở Khánh Hòa là 79 ca, Kiên Giang là 381 trong 10 năm cas. Thị ở Long An số liệu này cao hơn rất nhiều [2], [6]. Theo số liệu của tác giả Lưu Trí Dũng từ tháng 1/1995 đến tháng 11/2000 có 293 trường hợp hiếp dâm [1].

Bàn luận về vấn đề này, tác giả trong tài liệu [5] cho thấy "Các số liệu thống kê chưa phải là hình ảnh đầy đủ của tình hình thực tế. Có những yếu tố quan trọng hướng nạn nhân và những người bảo trợ hợp pháp của nó đi đến việc không dám tố giác về lạm dụng tình dục đã gây ra. Qua nghiên cứu được của cảnh sát hình sự thực hiện thấy được nguyên nhân chính không tố giác là sợ trả thù 50%, xấu hổ trước mọi người xung quanh 30%, không tin tưởng vào các cơ quan bảo vệ pháp luật 10%, không muốn bị khám 5%, trong số các nguyên nhân nổi bật là chưa đánh giá hết ý nghĩa của sự việc xảy ra".

Tại bảng 2 cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa bị lạm dụng và độ tuổi. Tuổi trên hoặc bằng 16 tuổi 170 trường hợp tỷ lệ 24,71%, dưới 16 tuổi 79 trường hợp tỷ lệ 11,48%. Theo tài liệu Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Hương thì tuổi bị lạm dụng tình dục dưới 16 tuổi là 20,3%, trên 16 tuổi là 19,9% [3]. Tỷ lệ lạm dụng tình dục

về tuổi tại Nha Trang cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thanh Hương.

Theo tác giả Trần Văn Liễu - Ngô Hường Dũng trong 113 vụ xâm hại tình dục từ 1994 - 1996 tại Hà Nội [4] thì tuổi của bị can từ 14 - 16 chiếm tỷ lệ 6,37%. Tỷ lệ này ở Long An là 18,73%.

Số liệu này trong nghiên cứu phù hợp với kết quả nghiên cứu của Vũ Dương [2] khi nghiên cứu tình hình hiếp dâm tại tỉnh Kiên Giang, trong tổng số 279 trường hợp thấy số bị hại từ 13 - 16 tuổi đứng vị trí hàng đầu: 40,50%, thứ hai là bị hại dưới 13 tuổi 38,35% và trên 16 tuổi là 21,14%.

Theo tác giả Susan Wood thì những hình ảnh tình dục hóa có ở mọi nơi - trên Internet, quảng cáo, phim ảnh và cả trên truyền hình, nhưng những thông tin tin cậy và phù hợp về tình dục thì vẫn chưa sẵn có cho mọi người tiếp cận. Đặc biệt là trẻ vị thành niên có rất ít cơ hội được nhận thông tin, các kỹ năng và sự tự tin cần thiết để bảo vệ mình. Một số nước không có chương trình giáo dục tình dục và vị thành niên bị cấm sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục. Tại nhiều nước đang phát triển một tỷ lệ đáng kể phụ nữ kết hôn tuổi vị thành niên (Khu vực cận Sahara, Châu Phi, Ấn Độ, Bangladesh hơn 50% phụ nữ lấy chồng < 18 tuổi) và bỏ học.

Ở bảng 3, cha mẹ nghiện ma túy hoặc rượu: có nghiện tỷ lệ 1,74%, với $p>0,05$ không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa yếu tố các em bị lạm dụng và yếu tố cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy.

Bảng 4, trẻ chứng kiến cha mẹ cãi nhau: chưa bao giờ 112 tỷ lệ 16,28%, hiếm khi 304 tỷ lệ 44,19%, thỉnh thoảng 235 tỷ lệ 34,16%, thường xuyên 37 tỷ lệ 5,38%. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục và yếu tố trẻ chứng kiến cha mẹ cãi nhau ($p<0,05$).

Mặc dù lạm dụng tình dục trong phạm vi gia đình có thể xảy ra ở mọi hoàn cảnh kinh tế của gia đình nhưng nó thường xảy ra ở những gia đình có nhiều vấn đề như thất nghiệp, nghiện rượu, thô lỗ với vợ và gia đình bất hòa. Lạm dụng tình dục phạm vi gia đình thường xảy ra trong những hoàn cảnh mà cha mẹ chia tay nhau hoặc một người bị bỏ rơi, bị đối xử ghê lạnh. Ngoài ra, người ta cũng nhận thấy rằng những kẻ lạm dụng tình dục trẻ em cũng thường là những người đã từng bị lạm dụng tình dục khi còn bé.

Phân tích ở bảng 5, mối liên quan giữa tỷ lệ bị lạm dụng và học lực của trẻ: Học lực khá giỏi 107 trường hợp chiếm tỷ lệ 15,55%, trung bình kém 142 trường hợp chiếm tỷ lệ 20,64%.

Kết quả trên cho thấy việc học lực của các em học sinh không ảnh hưởng đến việc lạm dụng tình dục của các em, vẫn đạt khá giỏi 15,55%, điều này nói lên rằng ở tuổi các em còn quá vô tư, không quan tâm đến việc tình dục, có thể các em thử cho biết hoặc đưa đùa xong rồi vẫn học bình thường, không ảnh hưởng đến việc học.

Không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố trẻ đi làm kiếm tiền, trẻ đi làm kiếm tiền có ảnh hưởng đến việc học với yếu tố trẻ bị lạm dụng tình dục.

Về xúc cảm, tình cảm: có thể dùng những từ ngữ sau để miêu tả về xúc cảm, tình cảm của những đứa trẻ bị lạm dụng tình dục: lẩn lộn và bất thường, trẻ có thể bất chợt vui buồn mà không thể đoán trước, luôn luôn trong trạng thái căng thẳng và đề phòng. Có lúc trẻ thể hiện rất bình thường, nhưng có lúc trở nên hung hăng rồi co mình lại.

Về nhận thức: Đứa trẻ tự đổ lỗi cho bản thân mình về mọi điều xảy ra xung quanh. Đứa trẻ tự coi mình là đồ bô đi, bẩn thỉu, vô giá trị. Không chỉ nhìn nhận sai lệch về bản thân, những trẻ bị lạm dụng tình dục thường nhìn nhận thế giới với đầy rẫy những điều khủng khiếp, những khó khăn không thể nào giải quyết được. Trẻ còn cho rằng mình chính là nguyên nhân của mọi vấn đề xấu xa, tội lỗi xảy ra đối với bản thân và xảy ra đối với cuộc sống. Nếu không được chữa trị sớm, những suy nghĩ thiếu logic và tự đổ lỗi cho bản thân sẽ kéo dài trong suốt cuộc đời của trẻ. Và nếu càng để lâu thì khả năng chữa trị thành công là rất ít.

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu tình hình bị lạm dụng tình dục trẻ em ở 688 học sinh phổ thông trung học tại thành phố Nha Trang năm 2010 chúng tôi kết luận như sau:

Các yếu tố liên quan đến trẻ em học sinh bị lạm dụng tình dục

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$)

- Yếu tố cá nhân:

- o Giới: Tỷ lệ bị lạm dụng tình dục ở giới nam 19,33% cao hơn giới nữ 16,86%.
- o Tuổi: học sinh ≥ 16 tỷ lệ 41,46% bị lạm dụng cao hơn nhóm học sinh <16 tuổi tỷ lệ 28,41%.

- Yếu tố gia đình:

- o Trẻ chứng kiến cha mẹ cãi nhau: học sinh có chứng kiến cha mẹ cãi nhau bị lạm dụng tình dục tỷ lệ 38,19% cao hơn nhóm học sinh không chứng kiến cha mẹ cãi nhau tỷ lệ 25,89%.

- Yếu tố học tập:

- o Thời gian làm việc nhà ảnh hưởng đến việc học: học sinh không làm việc nhà có tỷ lệ 34,51% bị lạm dụng cao hơn nhóm học sinh có làm việc nhà tỷ lệ 52,30%.

Không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$)

- o Cha mẹ nghiện rượu hoặc ma túy.
- o Học lực học sinh.
- o Học sinh đi làm thêm kiếm tiền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Trí Dũng và cs. (2001), *Nghiên cứu 293 trường hợp hiếp dâm từ 1/1995 đến 11/2000 tại tỉnh Long An*, Sở Y tế Long An, tr. 2-7.

2. Vũ Dương, Nguyễn Thành Nam (2000), *Mười năm giám định hiếp dâm tại Kiên Giang 1991 - 2000*, Tổ chức Giám định Pháp y tỉnh Kiên Giang.

3. Nguyen Thanh Huong, BSc, MSc, MPH (2006), *Child Maltreatment in Vietnam: Prevalence and associated mental and physical health problems*.

4. Trần Văn Liễu, Ngô Hường Dũng, Nguyễn Thị Kim Hương (2002), "Nghiên cứu 113 vụ hiếp dâm từ 1994 đến 1996", *Tuyển tập công trình khoa học chuyên đề y pháp*, tr. 125-131.

5. Médecins Sans Frontières (2005), *The Crushing Burden of Rape Sexual Violence in Darfur, A briefing paper by Médecins Sans Frontières Amsterdam*, pp: 1-8.

6. Vũ Song Tê, Phạm Xuân Thông, Trần Thị Thu Huyền (2002), "Tình hình hiếp dâm trẻ em tại Khánh Hòa trong 3 năm 1999 - 2001", *Tạp san Y pháp*, (1), tr. 38-43.

7. Lê Nguyên Thanh (2004), "Nạn nhân học trong tội phạm học Việt Nam", <http://lib.hlu.edu.vn>.

8. Wikipedia Bách khoa toàn thư mở (2011), "Lạm dụng tình dục trẻ em", <http://vi.wikipedia.org>